

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Vũ Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1984. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 2, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Mạnh H, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 1, xã NgS, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Hồ Mạnh H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT vào ngày 19/6/2006. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H không lo tu chí làm ăn mà chỉ chơi bời, bỏ bịch, chị có góp ý thì anh H chửi bới, xúc phạm. Bố mẹ hai bên cũng khuyên bàn, phân tích nhưng anh H không từ bỏ việc làm sai trái, sửa chữa để giải quyết mâu thuẫn

hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị và anh H sống ly thân từ năm 2015 đến nay, hai bên không còn quan tâm, yêu thương nhau. Chị thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Vợ chồng chị có 01 con chung Hồ Thị Thanh H1, sinh ngày 24/4/2007, hiện nay đang ở với anh H và bố mẹ anh H, học tại trường Trung học cơ sở xã NgS. Ly hôn chị đồng ý để con chung cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng). Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu về nuôi con, trường hợp anh H không có nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Hồ Mạnh H vắng mặt: Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu đã tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng, báo đến Tòa án để tham gia giải quyết nhưng anh H vắng mặt, không có ý kiến bằng văn bản, không có lời khai gửi Tòa án.

Ý kiến của cháu Hồ Thị Thanh H1: Cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2020 ông Hồ Khắc T (bố đẻ anh H) trình bày: Chị D và anh H có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên chị D làm đơn xin ly hôn. Tòa án tổng đạt các tài liệu, ông đã thông báo lại cho anh H biết việc chị D xin ly hôn, thời gian Tòa án báo đến để giải quyết vụ án nhưng vì công việc anh H không về được. Anh H có trao đổi lại với ông về việc chị D xin ly hôn anh đồng ý. Anh xin được trực tiếp nuôi con chung Hồ Thị Thanh H1, sinh ngày 24/4/2007. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã NgS thể hiện: Anh H hiện đang có hộ khẩu thường trú tại xóm 1 xã NgS. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không biết, chỉ biết hiện nay vợ chồng đang sống ly thân mỗi người một nơi. Vợ chồng có 01 con chung Hồ Thị Thanh H1, sinh ngày 24/4/2007, hiện đang sống với bố và ông bà nội tại xã NgS từ nhỏ. Ly hôn, nên tiếp tục giao con cho anh H nuôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 40 và 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo, đúng quy định. Thư

ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Hồ Mạnh H.

Về con chung: Giao con chung Hồ Thị Thanh H1, sinh ngày 24/4/2007 cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị D cùng anh H 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung trưởng thành. Chị D có quyền, nghĩa vụ đi thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Hồ Mạnh H không thường xuyên sinh sống tại một nơi cố định, nên xác định nơi sinh sống cuối cùng mà chị D biết và có đăng ký hộ khẩu tại xã NgS, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An là nơi cư trú của anh H. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn anh H đã được Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Quyết định đưa vụ án ra xét, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần hai, anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và

Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34, quyển số 02 ngày 19/6/2008). Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, anh H không chăm lo cho gia đình, chửi bới xúc phạm chị D. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay nên tình cảm không còn, mâu thuẫn xảy ra không tìm được cách khắc phục, việc đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình là không thể. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Hồ Thị Thanh H1, sinh ngày 24/4/2007, hiện đang sống với anh H và ông bà nội tại xã NgS. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D có ý kiến để con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị D thay đổi ý kiến, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù, anh H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến, nguyện vọng của anh về việc nuôi con, nhưng con chung có nguyện vọng được ở với bố, cũng đang sinh sống cùng ông bà nội và học tập ở xã NgS. Chị D đi làm công nhân ở Hà Nội, không có nơi ở ổn định, phải thuê trọ. Nên để không làm xáo trộn cuộc sống của con, tạo môi trường ổn định, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Hồ Thị Thanh H1, sinh ngày 24/4/2007 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị D cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị D có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản

2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Hồ Mạnh H.

2. Về con chung: Giao con chung Hồ Thị Thanh H1, sinh ngày 24/4/2007 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh H mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Lê Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số AA/2019/0003644 ngày 25/02/2020. Chị D còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã QT;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến